

Số: 1055/TB-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học vào đại học chính quy năm 2025

(Ban hành kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025
của Đại học Kinh tế Quốc dân)

Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 ban hành theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 28/3/2025 của Giám đốc Đại học và Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/5/2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, cao đẳng, Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo về việc tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học vào đại học chính quy năm 2025 như sau:

I. TUYỂN THẮNG

1. **Chỉ tiêu:** 3% chỉ tiêu theo mã ngành/chương trình và tổng chỉ tiêu của Đại học.

2. Đối tượng tuyển thẳng

2.1. **Tuyển thẳng những thí sinh quy định tại điểm a khoản 2 điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành**

2.1.1. Đối tượng:

- Thí sinh đoạt **giải nhất, nhì, ba** trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; và tốt nghiệp THPT năm 2025 được xét tuyển thẳng vào các ngành của Đại học.

- Thí sinh đoạt **giải nhất** trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; và tốt nghiệp THPT năm 2025 được xét tuyển thẳng vào các ngành theo danh mục thông báo của Đại học (Phụ lục kèm theo).

2.1.2. Điều kiện xét tuyển thẳng:

Nguyên tắc xét tuyển: xét tuyển theo ngành, theo thứ tự nguyện vọng đăng ký và theo giải của thí sinh.

2.1.3. Tài liệu cần chuẩn bị để nộp (bản chính dấu đỏ hoặc bản sao công chứng dấu đỏ):

- Ảnh thẻ 4*6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);
- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo hướng dẫn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/5/2025 của Bộ GD&ĐT);
- Thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân;
- Học bạ 3 năm trung học phổ thông;
- Giấy chứng nhận đoạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải nhất trong Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế.

2.2. Tuyển thẳng những thí sinh quy định tại điểm a khoản 4 điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

2.2.1 Đối tượng: Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng, có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền theo quy định, có khả năng theo học một số ngành tại Đại học nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

2.2.2. Điều kiện xét tuyển:

- Về lực học: Từng năm học trung học phổ thông đạt điểm tổng kết năm học từ 6,0 (sáu phẩy không) trở lên, điểm 3 môn học lớp 12 tương ứng với 3 môn trong tổ hợp xét tuyển, mỗi môn đạt 6,5 (sáu phẩy năm) điểm trở lên;

- Về hạnh kiểm: Từng năm học trung học phổ thông đạt hạnh kiểm loại khá trở lên;

- Về sức khỏe: Có Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng khuyết tật; Giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện cấp quận, huyện trở lên và Giấy cam kết của thí sinh, gia đình chịu trách nhiệm về sức khỏe của thí sinh trong quá trình học tập;

2.2.3. Tài liệu cần chuẩn bị để nộp:

- Ảnh thẻ 4*6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);
- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng;
- Thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân;
- Học bạ 3 năm trung học phổ thông;
- Giấy khai sinh;
- Giấy Chứng nhận khuyết tật đặc biệt nặng của cơ quan có thẩm quyền;
- Giấy Chứng nhận đủ sức khỏe học tập của bệnh viện cấp quận huyện trở lên;
- Giấy cam kết, chịu trách nhiệm của thí sinh và gia đình về sức khỏe của thí sinh trong quá trình học tập.

2.3. Xét tuyển thẳng những thí sinh quy định tại điểm b, c khoản 4 điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

2.3.1. Đối tượng:

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc quy định.

2.3.2. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng:

Đại học xét tuyển vào tất cả các ngành, mỗi ngành 02 chỉ tiêu, mỗi huyện 02 chỉ tiêu. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc quyết định.

2.3.3. Điều kiện xét tuyển:

- Về học lực: Thí sinh là người dân tộc Kinh có điểm tổng kết từng năm trung học phổ thông từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên, trong đó 3 môn học lớp 12 tương ứng với 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của Đại học, mỗi môn đạt 7,0 (bảy phẩy không) điểm trở lên; Thí

sinh là người dân tộc thiểu số điểm tổng kết từng năm trung học phổ thông đạt từ 6,0 (sáu phẩy không) trở lên, điểm 3 môn học lớp 12 tương ứng với 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của Đại học, mỗi môn đạt 6,0 (sáu phẩy không) điểm trở lên.

- Về hạnh kiểm: Các năm học trung học phổ thông đạt hạnh kiểm loại khá trở lên.

2.3.4. Hồ sơ xét tuyển:

- Ảnh thẻ 4*6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);
- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo hướng dẫn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/5/2025 của Bộ GD&ĐT);
- Thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân;
- Học bạ 3 năm trung học phổ thông;
- Giấy khai sinh;
- Giấy tờ thường trú theo quy định (nếu có)

2.4. Xét tuyển thẳng những thí sinh quy định tại mục d khoản 4 điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

2.4.1 Đối tượng: Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo do Đại học quy định và phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, có nguyện vọng học ở Đại học Kinh tế Quốc dân theo diện tự túc được xem xét tuyển thẳng vào ngành học theo nguyện vọng.

2.4.2. Điều kiện xét tuyển:

- Về lực học: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; Từng năm học trung học phổ thông, học lực đạt loại trung bình trở lên;
- Có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt bậc 4 trở lên quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ GD&ĐT;
- Có ý kiến giới thiệu của Đại sứ quán;
- Học phí theo chế độ tự túc.

2.4.3. Hồ sơ xét tuyển:

- Ảnh thẻ 4*6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);
- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng;
- Bằng tốt nghiệp và học bạ THPT hoặc tương đương (Bản sao hợp pháp có dịch thuật);
- Sơ yếu lý lịch bằng Tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);
- Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Giấy giới thiệu của Đại sứ quán;

Đối với lưu học sinh học theo hiệp định, thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2.5. Xét tuyển học sinh dự bị đại học từ các Đại học Dự bị đại học

2.4.1 Đối tượng: Thí sinh là học sinh dự bị đại học thuộc các Trường Dự bị đại học dân tộc Trung Ương, Trường Dự bị đại học dân tộc Sầm Sơn, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.

2.4.2. Điều kiện xét tuyển:

- Về học lực: Đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, tốt nghiệp THPT năm 2024 được ưu tiên xét tuyển với mức điểm xét tuyển vào mã ngành/chương trình đăng ký thấp hơn không quá **01 (một) điểm** so với điểm chuẩn trúng tuyển (quy đổi theo thang 30) của mã ngành/chương trình theo các phương thức xét tuyển tương ứng năm tuyển sinh 2024 hoặc năm 2025 (nếu thí sinh có điểm năm 2025) của Đại học. Điểm xét tuyển của học sinh dự bị bao gồm điểm ưu tiên theo khu vực và ưu tiên theo đối tượng tuyển sinh;

2.4.3. Hồ sơ xét tuyển:

- Ảnh thẻ 4*6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);
- Thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân;
- Học bạ 3 năm trung học phổ thông;
- Giấy khai sinh;
- Kết quả học tập dự bị đại học tại các Trường dự bị đại học;
- Công văn của các Trường dự bị đại học;
- Giấy tờ thường trú theo quy định (nếu có)

II. ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

1. Đối tượng ưu tiên xét tuyển:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành, thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc đoạt giải nhất trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế không sử dụng quyền tuyển thẳng được *ưu tiên xét tuyển theo phương thức xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025* (không áp dụng cho phương thức xét tuyển kết hợp) bằng cách cộng điểm ưu tiên xét tuyển vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh căn cứ theo giải thí sinh đạt được, có đủ các điều kiện sau:

- Đoạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc đoạt giải nhất trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Có điểm thi tốt nghiệp THPT ứng với một trong các tổ hợp xét tuyển của Đại học ĐHKQTĐ (đã thông báo) đạt tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Đại học quy định trở lên và không có môn thi nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống;

- Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh xét tuyển thẳng không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30)

Mức ưu tiên cụ thể như sau:

- | | |
|--------------|-----------------------------------|
| - Giải nhất: | được cộng 2,0 (hai) điểm |
| - Giải nhì: | được cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm |
| - Giải ba: | được cộng 1,0 (một) điểm |

2. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển:

- Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo hướng dẫn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/5/2025 của Bộ GD&ĐT);

- Giấy chứng nhận đoạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải nhất trong Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế.

III. Hình thức nộp hồ sơ

Mỗi thí sinh đăng ký tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển được nộp 01 (một) bộ hồ sơ bằng hình thức trực tuyến (online) tại địa chỉ:

<https://xtkh.neu.edu.vn>

(Đại học sẽ có hướng dẫn đăng ký sau)

IV. Lịch trình xét tuyển

TT	Nội dung	Thời gian
1.	Thí sinh đăng ký tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học theo hình thức trực tuyến trên hệ thống của Đại học	Từ 8h00 ngày 01/6 đến trước 17h00 ngày 30/6/2025
2.	Đại học xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng và dự bị đại học lên Hệ thống	Trước ngày 15/7/2025
3.	Thí sinh trúng tuyển thẳng và dự bị đại học đăng ký nguyện vọng chính thức trên hệ thống của Bộ GD&ĐT	Từ ngày 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025
4.	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT	Từ ngày 29/7 đến 17h00 ngày 05/8/2025

V. Lệ phí tuyển sinh

Mỗi thí sinh nộp lệ phí tuyển sinh riêng của ĐH KTQD là **200.000** đồng/hồ sơ (Hai trăm nghìn đồng/01 hồ sơ) bằng hình thức chuyển khoản; thực hiện nộp lệ phí theo hướng dẫn khi đăng ký hồ sơ xét tuyển.

Thí sinh cần theo dõi và cập nhật thông tin tại các địa chỉ sau:

- Cổng thông tin điện tử của Đại học: <https://neu.edu.vn> mục Tuyển sinh
- Website Phòng Quản lý đào tạo: <https://daotao.neu.edu.vn> mục Tuyển sinh
- Cửa sổ tư vấn tuyển sinh tương tác trực tuyến ORLABNEU: <https://daotao.neu.edu.vn>
- Hotline (trong giờ hành chính): 0888.128.558
- Email: tuvantuyensinh@neu.edu.vn

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Phòng TT (để đăng Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



GS.TS Phạm Hồng Chương

**Danh mục các ngành được tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải nhất
trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia**
(kèm theo Thông báo số 1055/TB-ĐHKTQĐ ngày 20/5/2025 của Giám đốc Đại học)

STT	Lĩnh vực	Lĩnh vực chuyên sâu	Ngành tuyển thẳng
1	Khoa học động vật	Hành vi; Tế bào; Mối liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và di truyền; Dinh dưỡng và tăng trưởng; Sinh lý; Hệ thống và tiến hóa;...	Kinh tế nông nghiệp; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
2	Khoa học xã hội và hành vi	Điều dưỡng và phát triển; Tâm lý; Tâm lý nhận thức; Tâm lý xã hội và xã hội học;...	Tất cả các ngành trừ ngành Ngôn ngữ Anh; Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Toán kinh tế; Định phí bảo hiểm và Quản trị rủi ro (Actuary), Phân tích dữ liệu kinh tế; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
3	Hóa Sinh	Hóa-Sinh phân tích; Hóa-Sinh tổng hợp; Hóa-Sinh-Y; Hóa-Sinh cấu trúc;...	Không tuyển
4	Y Sinh và khoa học Sức khỏe	Chẩn đoán; Điều trị; Phát triển và thử nghiệm dược liệu; Dịch tễ học; Dinh dưỡng; Sinh lý học và Bệnh lý học;...	Không tuyển
5	Kỹ thuật Y Sinh	Vật liệu Y Sinh; Cơ chế Sinh học; Thiết bị Y sinh; Kỹ thuật tế bào và mô; Sinh học tổng hợp;...	Không tuyển
6	Sinh học tế bào và phân tử	Sinh lý tế bào; Gen; Miễn dịch; Sinh học phân tử; Sinh học thần kinh;...	Kinh tế nông nghiệp; Kinh doanh nông nghiệp
7	Hóa học	Hóa phân tích; Hóa học trên máy tính; Hóa môi trường; Hóa vô cơ; Hóa vật liệu; Hóa hữu cơ; Hóa Lý;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
8	Sinh học trên máy tính và Sinh-Tin	Kỹ thuật Y sinh; Dược lý trên máy tính; Sinh học mô hình trên máy tính; Tiến hóa sinh học trên máy tính; Khoa học thần kinh trên máy tính; Gen;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
9	Khoa học Trái đất và Môi trường	Khí quyển; Khí hậu; Ảnh hưởng của môi trường lên hệ sinh thái; Địa chất; Nước;...	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường
10	Hệ thống nhúng	Kỹ thuật mạch; Vi điều khiển; Giao tiếp mạng và dữ liệu; Quang học; Cảm biến; Gia công tín hiệu;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
11	Năng lượng: Hóa học	Nhiên liệu thay thế; Năng lượng hóa thạch; Phát triển tế bào nhiên liệu và pin; Vật liệu năng lượng mặt trời;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo

STT	Lĩnh vực	Lĩnh vực chuyên sâu	Ngành tuyển thẳng
12	Năng lượng; Vật lý	Năng lượng thủy điện; Năng lượng hạt nhân; Năng lượng mặt trời; Năng lượng nhiệt; Năng lượng gió;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
13	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật hàng không và vũ trụ; Kỹ thuật dân dụng; Cơ khí trên máy tính; Lý thuyết điều khiển; Hệ thống vận tải mặt đất; Kỹ thuật gia công công nghiệp; Kỹ thuật cơ khí; Hệ thống hàng hải;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
14	Kỹ thuật môi trường	Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; Khai thác đất; Kiểm soát ô nhiễm; Quản lý chất thải và tái sử dụng; Quản lý nguồn nước;...	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường
15	Khoa học vật liệu	Vật liệu sinh học; Gốm và Thủy tinh; Vật liệu composite; Lý thuyết và tính toán; Vật liệu điện tử, quang và từ; Vật liệu nano; Pô-li-me;...	Kinh tế nông nghiệp; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường
16	Toán học	Đại số; Phân tích; Rời rạc; Lý thuyết Game và Graph; Hình học và Tô pô; Lý thuyết số; Xác suất và thống kê;...	Tất cả các ngành trừ Ngôn ngữ Anh
17	<i>Vi Sinh</i>	<i>Vi trùng và kháng sinh; Vi sinh ứng dụng; Vi khuẩn; Vi sinh môi trường; Kháng sinh tổng hợp; Vi-rút;...</i>	<i>Không tuyển</i>
18	Vật lý và Thiên văn	Thiên văn học và Vũ trụ học; Vật lý nguyên tử; phân tử và quang học; Lý - Sinh; Vật lý trên máy tính; Vật lý thiên văn; Vật liệu đo; Từ, Điện từ và Plasma; Cơ học; Vật lý hạt cơ bản và hạt nhân; Quang học; La-de; Thu phát sóng điện từ; Lượng tử máy tính; Vật lý lý thuyết;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
19	Khoa học Thực vật	Nông nghiệp; Mối liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và sinh sản; Tăng trưởng và phát triển; Bệnh lý thực vật; Sinh lý thực vật; Hệ thống và tiến hóa;...	Kinh tế nông nghiệp; Kinh doanh nông nghiệp
20	Rô bốt và máy thông minh	Máy sinh học; Lý thuyết điều khiển; Rô bốt động lực;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin, Phân tích dữ liệu kinh tế; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
21	Phần mềm hệ thống	Thuật toán; An ninh máy tính; Cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Ngôn ngữ lập trình;...	Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin, Phân tích dữ liệu kinh tế; An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo
22	<i>Y học chuyên dịch</i>	<i>Khám bệnh và chẩn đoán; Phòng bệnh; Điều trị; Kiểm định thuốc; Nghiên cứu tiền lâm sàng;...</i>	<i>Không tuyển</i>